

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/02/2025

V/v: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phước Minh Phong

Các hội thẩm nhân dân: Bà Lại Thị Thu Hà

Ông Nguyễn Thái Duy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Mai Trường Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 471/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2024 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Tổ dân phố S, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1987; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/9/2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhỏ và vẫn giải quyết được. Tuy nhiên, đến cuối năm 2023 cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không thể chia sẻ được với nhau. Vợ chồng

đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm nhưng đều không được. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, bà xác định không còn tình cảm với ông Đ, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ.

Về con chung: Bà xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình Trọng N, sinh ngày 14/3/2014 và Nguyễn Thụy Tâm Đ1, sinh ngày 14/7/2019. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao cả cháu N và cháu Đ1 cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời trình bày của bị đơn ông Nguyễn Thành Đ:

Ông và bà Nguyễn Thị T về chung sống với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/9/2013. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng diễn ra hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được, mâu thuẫn giữa vợ chồng chưa đến mức nghiêm trọng dẫn đến việc ly hôn, ông vẫn có mong muốn vợ chồng hàn gắn lại tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đình Trọng N, sinh ngày 14/3/2014 và Nguyễn Thụy Tâm Đ1, sinh ngày 14/7/2019. Bà T đề nghị Tòa án giao cả 02 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì ông không đồng ý vì ông không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Thành Đ. Giao con chung là Nguyễn Đình Trọng N, sinh ngày 14/3/2014 và Nguyễn Thụy Tâm Đ1, sinh ngày 14/7/2019 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con chung. Ông Nguyễn Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, bị đơn ông Nguyễn Thành Đ

vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự trên theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thành Đ xây dựng gia đình với nhau năm 2013, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng ngày 19/9/2013. Việc đăng ký kết hôn không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà T khởi kiện ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng bà T, ông Đ phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng cũng đã nhiều lần tìm cách để cải thiện tình cảm nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay và không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức nghiêm trọng dẫn đến ly hôn, nhưng ông Đ không có thiện chí và không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Do quan hệ hôn nhân giữa bà T với ông Đ đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các đương sự. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T, giải quyết cho bà T và ông Đ được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thành Đ có 02 (hai) con chung là Nguyễn Đình Trọng N, sinh ngày 14/3/2014 và Nguyễn Thụy Tâm Đ1, sinh ngày 14/7/2019.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T yêu cầu được nuôi cả 02 (hai) con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con; ông Đ không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về người trực tiếp nuôi con.

Xét thấy, qua xác minh tại địa phương thì được biết các con chung hiện nay đang ở với bà T và bà T có thu nhập ổn định từ 10.000.000 đồng – 15.000.000 đồng/tháng; trong khi đó ông Đ không có thu nhập ổn định. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu N có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó, nhằm bảo đảm sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục và nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển tâm sinh lý bình thường của các cháu, nên cần giao cháu N và cháu Đ1 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị T xác định tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Thành Đ xác định không tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn ly hôn của bà Nguyễn Thị T, xử cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thành Đ được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đình Trọng N, sinh ngày 14/3/2014 và Nguyễn Thụy Tâm Đ1, sinh ngày 14/7/2019 cho bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con chung. Ông Nguyễn Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp theo biên lai thu số 0005113 ngày 30/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lài Thị Thu Hà – Nguyễn Thái Duy

Phạm Phước Minh Phong

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND H. Lâm Hà;
- Chi cục THADS H. Lâm Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Văn;
- Lưu AV – HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phước Minh Phong

